

Số: ~~267~~/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 05 tháng 3 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo quốc gia
về xây dựng các đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 56 /QĐ-TTg ngày 11 tháng 01 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban Chỉ đạo quốc gia về xây dựng các đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo quốc gia về xây dựng các đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt.

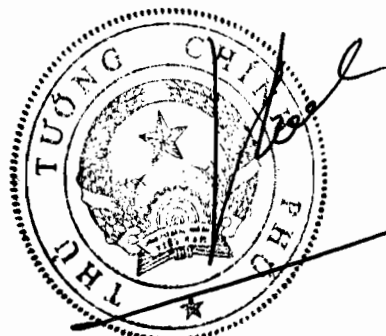
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Các thành viên Ban Chỉ đạo quốc gia về xây dựng các đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Tỉnh ủy, HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, QHĐP (3b). ~~248~~

THỦ TƯỚNG



Nguyễn Xuân Phúc

QUY CHẾ
Hoạt động của Ban Chỉ đạo quốc gia
về xây dựng các đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt
(Ban hành kèm theo Quyết định số 167/QĐ-TTg
ngày 05 tháng 03 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Ban Chỉ đạo quốc gia về xây dựng các đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt được thành lập theo Quyết định số 56/QĐ-TTg ngày 11 tháng 01 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ (sau đây gọi tắt là Ban Chỉ đạo), do Thủ tướng Chính phủ làm Trưởng Ban; có chức năng giúp Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo, điều phối giải quyết các vấn đề quan trọng, liên ngành trong quá trình thành lập, xây dựng và phát triển của các đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt; có các nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 2 Quyết định số 56/QĐ-TTg ngày 11 tháng 01 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ.

Chương II
NHIỆM VỤ CỦA CÁC THÀNH VIÊN
VÀ BỘ MÁY GIÚP VIỆC BAN CHỈ ĐẠO

Điều 2. Trưởng Ban Chỉ đạo

1. Chỉ đạo, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ của Ban Chỉ đạo.
2. Điều hành, phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên Ban Chỉ đạo.
3. Triệu tập, chủ trì các cuộc họp, làm việc của Ban Chỉ đạo.
4. Điều động, trung tập chuyên gia phục vụ cho hoạt động của Ban Chỉ đạo.
5. Quyết định các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Chỉ đạo.

Điều 3. Phó Trưởng Ban Thường trực Ban Chỉ đạo

1. Điều hành hoạt động của Ban Chỉ đạo, chủ trì các cuộc họp, làm việc của Ban Chỉ đạo khi Trưởng Ban Chỉ đạo vắng mặt hoặc ủy quyền.

2. Giúp Trưởng Ban Chỉ đạo điều hành các hoạt động của Ban Chỉ đạo, triển khai các nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Chỉ đạo.

Điều 4. Phó Trưởng Ban Chỉ đạo

1. Điều hành hoạt động của Ban Chỉ đạo, chủ trì các cuộc họp, làm việc của Ban Chỉ đạo theo ủy quyền của Trưởng Ban Chỉ đạo.

2. Giúp Trưởng Ban Chỉ đạo điều hành các hoạt động của Ban Chỉ đạo, triển khai các nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Chỉ đạo.

Điều 5. Nhiệm vụ của Ủy viên thường trực Ban Chỉ đạo (Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

1. Giúp Trưởng Ban và Phó Trưởng Ban Chỉ đạo điều hành hoạt động của Ban Chỉ đạo; chủ trì các cuộc họp, làm việc của Ban Chỉ đạo khi được lãnh đạo Ban Chỉ đạo giao.

2. Chỉ đạo Bộ Kế hoạch và Đầu tư làm nhiệm vụ cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo, gồm các nhiệm vụ sau:

a) Tổ chức các cuộc họp, khảo sát, làm việc của Ban Chỉ đạo;

b) Báo cáo, đề xuất Trưởng Ban Chỉ đạo về các vấn đề liên quan đến quá trình xây dựng, thành lập, hoạt động của các đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt; triển khai các Đề án và Luật đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt;

c) Xây dựng, báo cáo Ban Chỉ đạo chương trình, kế hoạch công tác của Ban Chỉ đạo hàng năm;

d) Chủ trì, điều phối thực hiện các nhiệm vụ của lãnh đạo Ban Chỉ đạo giao;

đ) Chủ trì, phối hợp với Bộ Nội vụ, các bộ, ngành, cơ quan liên quan và chuyên gia để thực hiện các nhiệm vụ của Ban Chỉ đạo.

Điều 6. Nhiệm vụ của Ủy viên thường trực Ban Chỉ đạo (Bộ trưởng Bộ Nội vụ)

1. Giúp lãnh đạo Ban Chỉ đạo điều hành, chỉ đạo các công việc liên quan đến tổ chức bộ máy của đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt, theo chức năng, nhiệm vụ của Bộ Nội vụ và phân công của lãnh đạo Ban Chỉ đạo;

2. Chủ trì các cuộc họp, làm việc của Ban Chỉ đạo liên quan đến tổ chức bộ máy, chính quyền địa phương của đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt khi được lãnh đạo Ban Chỉ đạo giao;

3. Báo cáo, đề xuất Ban Chỉ đạo các chính sách, pháp luật, giải pháp, nhiệm vụ quản lý về tổ chức, chính quyền của đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt;

4. Phối hợp với cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ của cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo.

Điều 7. Nhiệm vụ của các Ủy viên Ban Chỉ đạo

1. Nhiệm vụ chung

a) Tham mưu cho Trưởng Ban Chỉ đạo các vấn đề liên quan tới lĩnh vực phụ trách của bộ, ngành nơi công tác.

b) Tham gia đầy đủ các hoạt động của Ban Chỉ đạo, chịu trách nhiệm trước Trưởng Ban Chỉ đạo về những nhiệm vụ được phân công.

c) Thực hiện các nhiệm vụ khác do lãnh đạo Ban Chỉ đạo phân công.

2. Nhiệm vụ cụ thể

a) Lãnh đạo Bộ Kế hoạch và Đầu tư: Giúp Ủy viên thường trực Ban Chỉ đạo (Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư) thực hiện nhiệm vụ của Ủy viên thường trực Ban Chỉ đạo; giúp Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư chỉ đạo Bộ Kế hoạch và Đầu tư làm nhiệm vụ cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo.

b) Lãnh đạo Bộ Nội vụ: Giúp Ủy viên thường trực Ban Chỉ đạo (Bộ trưởng Bộ Nội vụ) thực hiện nhiệm vụ của Ủy viên thường trực Ban Chỉ đạo.

c) Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ: Giúp Trưởng Ban Chỉ đạo thực hiện công tác chỉ đạo, điều hành Ban Chỉ đạo theo kế hoạch công tác được duyệt; báo cáo, tham mưu Thủ tướng Chính phủ và Trưởng Ban Chỉ đạo giải quyết các đề xuất, kiến nghị của cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo; phối hợp với cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo tổ chức các cuộc họp, làm việc và giải quyết các nhiệm vụ do lãnh đạo Ban Chỉ đạo giao.

d) Thủ trưởng, đại diện lãnh đạo các bộ, ngành, cơ quan trung ương: thực hiện các nhiệm vụ do Ban Chỉ đạo trực tiếp giao; giúp Ban Chỉ đạo giải quyết các công việc của Ban Chỉ đạo thuộc phạm vi, chức năng, nhiệm vụ của bộ, ngành mình; báo cáo, đề xuất Ban Chỉ đạo các giải pháp thực hiện các nhiệm vụ của Ban Chỉ đạo thuộc ngành, lĩnh vực phụ trách.

đ) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: Thực hiện các nhiệm vụ do Ban Chỉ đạo trực tiếp giao; giúp Ban Chỉ đạo giải quyết các công việc của Ban Chỉ đạo liên quan đến đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt tại địa phương mình phụ trách.

e) Các ủy viên khác: Nhiệm vụ cụ thể thực hiện theo phân công của lãnh đạo Ban Chỉ đạo.

Điều 8. Bộ máy giúp việc của Ban Chỉ đạo.

1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo.

2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư thành lập Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo, trong đó có sự tham gia của đại diện Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Văn phòng Chính phủ, Bộ Nội vụ, Bộ Tư pháp và một số bộ, cơ quan liên quan.

3. Các thành viên trong bộ máy giúp việc của Ban Chỉ đạo hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm.

Chương III **CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC VÀ QUAN HỆ CÔNG TÁC**

Điều 9. Chế độ làm việc, tổ chức các cuộc họp, đi công tác; báo cáo, cung cấp thông tin và phối hợp công tác

1. Chế độ làm việc

a) Ban Chỉ đạo làm việc theo chế độ đề cao trách nhiệm cá nhân của lãnh đạo Ban Chỉ đạo. Lãnh đạo Ban Chỉ đạo quyết định các vấn đề thông qua các hình thức tổ chức họp Ban Chỉ đạo hoặc lấy ý kiến và báo cáo bằng văn bản.

b) Trưởng Ban Chỉ đạo giao Phó Trưởng Ban Chỉ đạo hoặc Ủy viên thường trực Ban Chỉ đạo chủ trì một số cuộc họp, làm việc của Ban Chỉ đạo.

c) Ủy viên Ban Chỉ đạo có trách nhiệm tham dự đầy đủ các cuộc họp của Ban Chỉ đạo. Trường hợp vắng mặt cuộc họp của Ban Chỉ đạo, ủy viên Ban Chỉ đạo có trách nhiệm báo cáo Trưởng Ban Chỉ đạo và cử người dự họp thay.

d) Các bộ, ngành, địa phương có trách nhiệm hỗ trợ, phối hợp với Ban Chỉ đạo để thực hiện các nhiệm vụ của Ban Chỉ đạo. Các thành viên Ban Chỉ đạo làm việc theo chế độ kiêm nhiệm; được sử dụng bộ máy tổ chức của cơ quan mình để thực hiện các nhiệm vụ được lãnh đạo Ban Chỉ đạo phân công.

2. Tổ chức họp và các chuyến làm việc, khảo sát của Ban Chỉ đạo

a) Ban Chỉ đạo họp định kỳ vào tháng 1 và tháng 7 hàng năm; trong trường hợp cần thiết, Trưởng Ban Chỉ đạo quyết định tổ chức các cuộc họp đột xuất.

b) Lãnh đạo Ban Chỉ đạo quyết định tổ chức các buổi làm việc, khảo sát của Ban Chỉ đạo trên cơ sở yêu cầu công tác hoặc theo đề nghị của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

c) Bộ Kế hoạch và Đầu tư làm đầu mối đề xuất Trưởng Ban Chỉ đạo tổ chức các cuộc họp định kỳ, đột xuất của Ban Chỉ đạo, các buổi làm việc và khảo sát của Ban Chỉ đạo; phối hợp với Văn phòng Chính phủ, Bộ Nội vụ chuẩn bị tổ chức và nội dung các cuộc họp và công tác của Ban Chỉ đạo.

d) Căn cứ công tác cụ thể, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Văn phòng Chính phủ báo cáo Ban Chỉ đạo mời đại diện Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể và cơ quan, tổ chức có liên quan, chuyên gia, nhà khoa học tham gia các hoạt động của Ban Chỉ đạo.

3. Chế độ báo cáo, cung cấp thông tin, chuẩn bị tài liệu

a) Bộ Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với các bộ, cơ quan liên quan chuẩn bị báo cáo, tài liệu phục vụ các cuộc họp và các chuyên công tác của Ban Chỉ đạo. Trước các cuộc họp của Ban Chỉ đạo, Bộ Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm tổng hợp báo cáo của các cơ quan liên quan, báo cáo Trưởng Ban Chỉ đạo và gửi cho tất cả các thành viên Ban Chỉ đạo.

b) Các thành viên Ban Chỉ đạo chủ động báo cáo, đề xuất kiến nghị Trưởng Ban Chỉ đạo hoặc báo cáo theo yêu cầu của lãnh đạo Ban Chỉ đạo về các vấn đề liên quan đến việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Ban Chỉ đạo. Ý kiến tham gia của các thành viên là ý kiến chính thức của cơ quan nơi công tác.

c) Định kỳ tháng 6 và tháng 12 hàng năm, các thành viên Ban Chỉ đạo có trách nhiệm báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ được Trưởng Ban Chỉ đạo giao, gửi về Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, tổ chức các cuộc họp định kỳ của Ban Chỉ đạo.

d) Bộ Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm báo cáo tình hình và kết quả hoạt động của Ban Chỉ đạo; báo cáo đột xuất theo yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ về hoạt động của Ban Chỉ đạo. Các thành viên Ban Chỉ đạo có trách nhiệm báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ được Ban Chỉ đạo giao, gửi về Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo Trưởng Ban Chỉ đạo; phối hợp, hỗ trợ Bộ Kế hoạch và Đầu tư thực hiện nhiệm vụ cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo.

Điều 10. Con dấu của Ban Chỉ đạo

1. Ban Chỉ đạo không sử dụng con dấu riêng.
2. Trưởng Ban, Phó Trưởng Ban thường trực Ban Chỉ đạo khi ký các văn bản chỉ đạo sử dụng con dấu của Thủ tướng Chính phủ.
3. Các Phó Trưởng Ban, Ủy viên thường trực và các Ủy viên Ban Chỉ đạo sử dụng con dấu của cơ quan mình khi ký các văn bản để thực hiện nhiệm vụ của Ban Chỉ đạo.

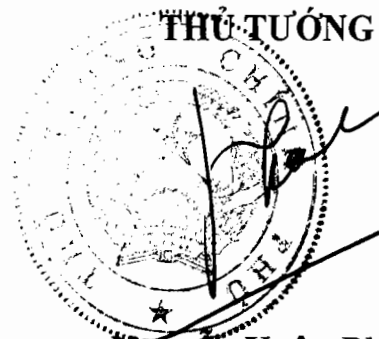
Điều 11. Kinh phí hoạt động

Kinh phí hoạt động của Ban Chỉ đạo do ngân sách nhà nước đảm bảo và được bố trí trong dự toán chi hoạt động hàng năm của Bộ Kế hoạch và Đầu tư theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Chương IV ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 12. Quy chế này áp dụng cho các thành viên Ban Chỉ đạo.

Điều 13. Bộ Kế hoạch và Đầu tư chịu trách nhiệm theo dõi, kiểm tra, đôn đốc thực hiện Quy chế này./.



Nguyễn Xuân Phúc